TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 260/2022/DS-ST Ngày 30-9-2022 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm;

2. Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 8 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P trình bày:

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 âm lịch, vợ chồng ông Nguyễn Chí D, bà Nguyễn Thị Đ có vay của bà số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận. Đến ngày 04 tháng 3 năm 2019, vợ chồng ông D, bà Đ trả được cho bà 100.000.000 đồng, số tiền 200.000.000 đồng đến nay chưa trả, bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông D,

bà Đ trả nợ nhưng ông bà cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D, bà Đ trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 9 năm 2022, vợ chồng ông Nguyễn Chí D, bà Nguyễn Thị Đ thống nhất trình bày: Ông bà thừa nhận số tiền vay mượn, số tiền đã trả, số nợ gốc còn lại như bà Nguyễn Hồng P trình bày. Do các bên không thỏa thuận lãi suất cụ thể nên vợ chồng ông bà đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Hồng P khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Chí D, bà Nguyễn Thị Đ trả số nợ từ việc vay mượn nên quan hệ tranh chấp của vụ án cũng được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vợ chồng ông D, bà Đ có nơi cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Chí D, bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt vợ chồng ông D, bà Đ.

[3] Xét quan hệ vay mượn giữa bà Nguyễn Hồng P và vợ chồng ông Nguyễn Chí D, bà Nguyễn Thị Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng ông Nguyễn Chí D, bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận có vay mượn của bà Nguyễn Hồng P 300.000.000 đồng, đã trả được 100.000.000 đồng và còn nợ lại 200.000.000 đồng. Đây là tính tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy việc bà P yêu cầu vợ chồng ông D, bà Đ trả nợ là có căn cứ. Bà P yêu cầu tính lãi suất khoảng vay theo quy định pháp luật, do đó áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử tính lãi theo mức 10%/năm là có căn cứ. Vợ chồng ông D, bà Đ chưa trả lãi từ ngày 05 tháng 3 năm 2019 âm lịch, tức ngày 09 tháng 4 năm 2019. Như vậy, đến nay là 1.270 ngày thì lãi suất phải trả là 10%/365 x 1.270 x 200.000.000 đồng = 69.589.000 đồng. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự, buộc vợ chồng ông D, bà Đ trả cho bà P 200.000.000 đồng tiền gốc và 69.589.000 đồng tiền lãi.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng ông D, bà Đ phải chịu 269.589.000 đồng x 5% = 13.479.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của bà P được chấp nhận nên bà P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Chí D, bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà Nguyễn Hồng P 269.589.000 (hai trăm sáu mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn) đồng, trong đó bao gồm 200.000.000 đồng tiền gốc và 69.589.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Chí D, bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 13.479.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Hồng P được nhận lại 8.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005274 ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp